

Số: 462/QĐ-UBND

Kỳ Thượng, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách trẻ em mầm non hưởng chính sách hỗ trợ
tiền ăn trưa; kinh phí tổ chức nấu ăn trẻ em mầm non cho trường Mầm non
công lập trên địa bàn xã sau sáp nhập, năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 22/2023/NQ-HĐND ngày của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quảng Ninh ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc tiếp tục thực
hiện chính sách đặc thù của tỉnh Quy định tại Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND
ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh cho đối tượng ở các xã ra khỏi vùng khó khăn và các xã, thôn ra
khỏi diện đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở
giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng chính
phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Kỳ
Thượng về việc sáp nhập trường Mầm non Đạp Thành, trường Mầm non Kỳ
Thượng và trường Mầm non Thanh Lâm thành trường Mầm non Kỳ Thượng;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa – Xã hội tại tờ trình số 86/TTr-VHXX
ngày 12/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non công lập
hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa, kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non
trên địa bàn xã Kỳ Thượng sau sáp nhập, năm học 2025-2026, cụ thể:

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non theo Nghị quyết 22/2023/NQ-
HĐND tỉnh: Tổng số 447 trẻ, trong đó trẻ em nhà trẻ: 141 trẻ; trẻ em mẫu giáo:
306 trẻ; phê duyệt 4 tháng/học kỳ I, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến
tháng 12/2025; Mức hưởng 10% mức lương cơ sở/tháng/trẻ) (Biểu 3 kèm theo).

2. Kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non năm học 2025-2026: Tổng số 12 định mức, hưởng 200% mức lương cơ sở/định mức/tháng, hưởng từ tháng 09/2025 đến tháng 5/2026 (Biểu 6 kèm theo).

3. Thời gian hưởng: Theo thực tế học của trẻ em; thực tế của nhân viên nấu ăn nhưng không quá 9 tháng trong một năm học.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí cấp cho sự nghiệp giáo dục đã giao cho các trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2025 và thay thế Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã Kỳ Thượng về việc phê duyệt danh sách trẻ em mầm non hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa; kinh phí tổ chức nấu ăn trẻ em mầm non cho các trường công lập trên địa bàn xã, năm học 2025-2026. Giao trường Mầm non Kỳ Thượng chủ động thực hiện chế độ cho học sinh đảm bảo định mức đã phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng văn hóa – xã hội, Trưởng phòng kinh tế, Hiệu trưởng trường Mầm non Kỳ Thượng và các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

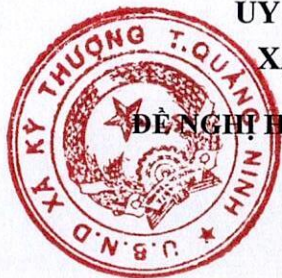
Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3 (t/hiện);
- Lưu: VT. *u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Khieu Anh Tú
Khieu Anh Tú



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ THƯỢNG

Biểu 6

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ TỔ CHỨC NẤU ĂN CHO TRẺ EM MẦM NON HỌC 2 BUỔI/NGÀY THEO NGHỊ QUYẾT 22/NQ-HĐND TỈNH
NĂM HỌC 2025-2026 SAU SÁP NHẬP**

(Kèm theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Kỳ Thượng Về việc phê duyệt danh sách trẻ em mầm non hưởng chính sách hỗ trợ
tiền ăn trưa; kinh phí tổ chức nấu ăn trẻ em mầm non cho trường Mầm non công lập trên địa bàn xã sau sáp nhập, năm học 2025-2026)

Đơn vị: đồng

Đơn vị: đồng

Điểm trường	Tổng số HS	Trong đó:		Số suất theo định mức	Mức lương cơ sở/tháng/định mức (200% $\times$ 2.340.000 đ)	Số tháng	Tổng Kinh phí
		MG	NT				
Trường Mầm non Kỳ Thượng							
Khe Nháng	75	55	20	2	4.680.000	9	84.240.000
Đồng Loóng	30	20	10	2	4.680.000	9	84.240.000
Đồng Tiến	16	8	8				
Làng Dạ	19	19		1	4.680.000	9	42.120.000
Khe Ổn	36	22	14				
Bắc Xa	94	56	38	2	4.680.000	9	84.240.000
Bắc Tập	81	51	30	2	4.680.000	9	84.240.000
Bắc Cáp, Đồng Dầm	29	29		1	4.680.000	9	42.120.000
Khe Tre	28	21	7	1	4.680.000	9	42.120.000
Khe Lương	25	16	9	1	4.680.000	9	42.120.000
Khe Phương	14	9	5				
Tổng cộng	447	306	141	12	37.440.000		505.440.000

Ghi chú: 200% mức lương cơ sở/tháng/50 trẻ MG hoặc 35 trẻ NT; số dư từ 25 trẻ MG hoặc 18 trẻ NT trở lên được tính thêm 1 lần định mức (Điều 8 Nghị quyết 204)/.